

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 498/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/11/2021

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa anh D
và chị T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn An Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hồ Khánh D; Sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số 361/19/29 đường B, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích T; Sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Số 361/19/29 đường B, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn anh Lê Hồ Khánh D trình bày:

Anh D và chị Phạm Thị Bích T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 210, quyền số 02/2015, đăng ký ngày 18/11/2015.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa anh D và chị T bất đồng quan điểm sống, bất đồng về suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Mặc dù đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình nên cả hai đã không còn chung sống từ tháng 09/2019 cho đến nay. Do đó, anh D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn chị T.

Về con chung: Có hai con chung tên:

+ Lê Phạm Tâm A, sinh ngày 15/01/2016.

+ Lê Phạm Tâm N, sinh ngày 27/8/2018.

Anh D giao hai con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn vì hiện nay cả hai con chung đang sinh sống ổn định với chị T. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Anh D tự xác định giữa anh D và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D tự xác định giữa anh D và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày ngày 18/5/2021, Biên bản hoà giải ngày 18/5/2021, Bị đơn chị Phạm Thị Bích T trình bày: Chị T và anh D kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như lời trình bày của anh D là đúng. Tuy nhiên, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D chưa đến mức phải ly hôn.

Toà án tiếp tục tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải vào ngày 04/6/2021. Mặc dù chị T đã được Toà án tổng đạt Thông báo họp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp và phiên hoà giải. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và thể hiện ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn với anh Lê Hồ Khánh D.

- Về con chung: Có hai con chung là Lê Phạm Tâm A, sinh ngày 15/01/2016 và Lê Phạm Tâm N, sinh ngày 27/8/2018. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì hiện nay hai con đang sinh sống ổn định với chị T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không đưa ra yêu cầu, chỉ đề nghị anh D có trách nhiệm và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định giữa chị T và anh D không

có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồ Khánh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt, anh Lê Hồ Khánh D có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn – anh Lê Hồ Khánh D và bị đơn – chị Phạm Thị Bích T có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của anh Lê Hồ Khánh D thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là chị Phạm Thị Bích T cư trú tại Quận 8, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Anh Lê Hồ Khánh D và Phạm Thị Bích T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 210, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 18/11/2015, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh D, anh D trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa anh D và chị T bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được và hiện nay cả hai đã không còn chung

sống. Nên anh D yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh D là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy, tại bản tự khai và ý kiến tại buổi hoà giải ngày 18/5/2021 chị T cho rằng mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng đến mức ly hôn. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T thể hiện ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh D cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có hai con chung tên

+ Lê Phạm Tâm A, sinh ngày 15/01/2016 và

+ Lê Phạm Tâm N, sinh ngày 27/8/2018

Anh D giao hai con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn vì hiện nay cả hai con chung đang sinh sống ổn định với chị T. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Xét yêu cầu của anh D là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của chị T và đảm bảo quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, giao con chung Tâm A và Tâm N cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh D cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, lần lượt hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị T cùng xác định cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồ Khánh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hồ Khánh D được ly hôn với chị Phạm Thị Bích T.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có hai con chung tên:

+ Lê Phạm Tâm A, sinh ngày 15/01/2016 và

+ Lê Phạm Tâm N, sinh ngày 27/8/2018

Giao hai con chung Tâm A và Tâm N cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn hôn.

Anh D cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật, lần lượt hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đúng theo thỏa thuận nêu trên, thì anh D còn phải trả thêm cho chị T khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh Lê Hồ Khánh D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0046267 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh D còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Anh D, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADSQ8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSNDQ8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.